

Số: 67 /2022/QĐST-HNGĐ

S, ngày 12 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 68/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm K, Xã B thành phố S, Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Chu Đức C, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm K, Xã B thành phố S, Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51,54, 55, 57, 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 4 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 4 tháng 7 năm 2022 là H toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H và anh Chu Đức C

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Chu Đức C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là là Chu Thị Thu P, sinh ngày 09/09/2004; Chu Thị Ngọc H, sinh ngày 29/12/2008. Khi ly hôn chị H và anh C thỏa thuận:

Anh Chu Đức C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Chu Thị Thu P và Chu Thị Ngọc H cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung Chu Thị Ngọc H, sinh ngày 29/12/2008 cùng anh C là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 8/2022 cho đến khi con chung Chu Thị Ngọc H đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản C, nợ C: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Chị Trần Thị H tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0001628 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPSC TN;
- THADS TPSC TN;
- Các đương sự;
- UBND xã B, TPSC TN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Bình

